

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73 /2019/HSST
Ngày 17/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - TỈNH PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Phong Phú
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Mùi
2. Ông Lê Văn Hiền

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hương Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ, tham gia phiên toà:** Ông Đoàn T Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 66/2019/HSST, ngày 24/4/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2019/QĐXXST- HS ngày 02/5/2019, đối với bị cáo:

Ngô Văn T (tên gọi khác: Ngô Ngọc T) - sinh ngày 25/4/1989; Nơi ĐKKHKT: thôn Đồi Me, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Trình độ văn hóa: 0/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Ngô Văn X – sinh năm 1954 (Đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H – sinh năm 1966, hiện xuất khẩu lao động tại Singapore; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018. Vợ con bị cáo đều ở tại thôn Đồi Me, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân+ *Bản án hình sự sơ thẩm số 112, ngày 12/11/2008, TAND thành phố Vĩnh Yên tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt 12 tháng tù, về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù từ ngày 04/8/2008. Bản án hình sự sơ thẩm số 38, ngày 29/7/2009, TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, cộng với 12 tháng tù tại bản án số 112 ngày 12/11/2008, tổng hợp hình phạt là 24 tháng tù. Do bản án số 38 ngày 29/7/2009, chưa có hiệu lực pháp luật nên T được trả tự do ngày 04/8/2009. Đến ngày 31/3/2010, T bị bắt đi chấp hành bản án số 38, ngày 29/7/2009, của TAND huyện V. Đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án, ra trại 31/01/2011.*

+ *Bản án hình sự sơ thẩm số 11, ngày 30/01/2013, TAND thành phố Vĩnh Yên xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù từ 29/10/2012. Đã*

chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án, ra rại 18/01/2014.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 30/11/2018, Khổng Hồng T, sinh năm 1983, trú tại khu 8, xã T, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ, gọi điện thoại từ số 033.282.0996 tới số điện thoại 0977.800.342 của Ngô Văn T, đặt vấn đề mua 04 gói ma túy Heroine với giá 2.000.000 đồng. T đồng ý và đi nhờ xe của người qua đường đến ngã T vòng xuyên trên quốc lộ 2, thuộc tổ 20, khu Lang Đài, phường Bạch Hạc, thành phố V, giao ma túy cho T và nhận tiền (BL 172-175). Sau khi mua được ma túy, T sử dụng hết 02 gói cho bản thân, làm rơi mất 01 gói, còn 01 gói T cất trong túi quần. Đến khoảng 6 giờ sáng, ngày 01/12/2018, T mang gói ma túy Heroine xuống khu vực cổng công ty PangRim thuộc tổ 92, khu 8, phường Nông Trang, thành phố V, để sử dụng thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ kiểm tra hành chính thu giữ vật chứng là 01 gói giấy màu trắng có dòng kẻ màu đen ở hai mặt, trong đó mặt trong gói giấy có chữ in “NG” màu đen, bên trong gói giấy có chất bột cục màu trắng (BL 26 - 28).

Căn cứ lời khai của Khổng Hồng T và các tài liệu thu thập được, ngày 01/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành khám xét khẩn cấp và giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Ngô Văn T, quá trình khám xét thu giữ gồm: 01 túi ni lon màu đen bên trong là 01 gói giấy mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng, trong túi áo trong phòng ngủ, bên trong gói giấy có chất bột cục màu trắng, Ngô Văn T khai nhận là Heroine để bán, tổ công tác đã niêm phong vật chứng là ma túy theo quy định. Ngoài ra còn thu giữ: 01 cân điện tử màu trắng; 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ có số IMEI 357326084982444 kèm sim số 0977.800.342; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Ngô Văn T và số tiền 14.500.000 đồng.

Ngày 01/12/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, tiến hành trưng cầu giám định vật chứng đã thu giữ của Khổng Hồng T và vật chứng thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Văn T. Tại kết luận giám định số 45/KLGD ngày 04/12/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

+ Mẫu chất bột cục màu trắng (bì ghi vật chứng thu giữ của Không Hồng T) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,058 gam, loại Heroine.

+ Mẫu chất bột cục màu trắng (bì ghi vật chứng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Ngô Văn T) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,374 gam, loại Heroine.

* Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, số thứ tự 09, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Hoàn lại đối Tọng giám định: 0,028 gam chất bột cục màu trắng (bì ghi vật chứng thu giữ của Không Hồng T) và 0,227 gam chất bột cục màu trắng (bì ghi vật chứng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Ngô Văn T). Sau khi giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã bàn giao cho Công an thành phố V để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã làm rõ Ngô Văn T ngoài lần bán ma túy cho Không Hồng T ngày 30/11/2018, T còn bán trái phép ma túy cho T một lần trước đó, cụ thể như sau: Khoảng đầu tháng 11/2018 (không rõ ngày), T gọi điện thoại từ số 033.282.0996 tới số điện thoại 0977.800.342 của T, hỏi mua 1.000.000 đồng tiền ma túy Heroine, T đồng ý và hẹn T tới ngã T vòng xuyên trên quốc lộ 2, thuộc tổ 20, khu Lang Đài, phường Bạch Hạc, thành phố V, bán ma túy cho T. Số tiền bán ma túy T đã tiêu xài hết. Số ma túy này T đã sử dụng hết (BL 172-173).

Về nguồn gốc số ma túy bán cho T vào đầu tháng 11/2018 và ngày 30/11/2018, T khai nhận: Lần thứ nhất vào đầu tháng 11/2018, sau khi nhận được điện thoại của T thì T một mình đi nhờ xe của người qua đường tới gặp Trần Thị T, sinh năm 1993, trú tại thị trấn Thổ Tang, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc mua được 01 gói ma túy Heroine với giá 1.000.000 đồng, có được ma túy T mang về nhà tách ra một ít để sử dụng, còn lại mang tới bán cho T. Lần thứ 2, vào ngày 30/11/2018, sau khi nhận được điện thoại mua ma túy của T thì T lại tới gặp T mua được 01 túi ma túy Heroine được gói bằng túi nilon màu đen, bên trong có 05 gói ma túy Heroine cũng được gói bằng nilon màu đen bên trong mỗi gói được gói bằng giấy mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng với giá 2.000.000 đồng. Mua được ma túy T mang về nhà cất 01 gói vào túi áo treo trong phòng ngủ để bán sau, còn 04 gói ma túy T lấy mỗi gói một ít để sử dụng, sau đó T bỏ lớp giấy gói ban đầu đi, lấy giấy từ quyển sổ khám bệnh hai mặt đều màu trắng có dòng kẻ và chữ màu đen gói lại như cũ, bên ngoài mỗi gói ma túy bọc bằng túi nilon màu đen và lớp ngoài cùng cuốn bằng giấy vệ sinh màu trắng mang tới bán cho T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã triệu tập Trần Thị T, tại Cơ quan điều tra Trần Thị T không thừa nhận hành vi bán trái phép ma túy cho T. T không nhớ được số điện thoại của T, ngoài lời khai của T thì không có chứng cứ nào khác. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ làm rõ.

Đối với Khổng Hồng T là đối tượng nghiện, đã mua ma túy của T để sử dụng, hành vi của T là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. T đã bị xét xử về tội ma túy nhưng đã chấp hành xong và đã được xóa án tích, khối lượng ma túy mà T tàng trữ chưa đến mức xử lý hình sự. Do vậy, Công an thành phố V đã ra quyết định xử phạt hành chính, đồng thời trả lại cho Khổng Hồng T 01 điện thoại di động Masstel đã cũ kèm sim.

Đối với số tiền 14.500.000 đồng, quá trình điều tra xác định trong đó chỉ có 2.000.000 đồng là tiền của T do bán ma túy mà có. Số tiền 12.500.000 đồng là của anh Nguyễn Trung Công, sinh năm 1992, đang làm việc tại Nhật Bản là anh vợ của T gửi về cho em gái là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994, để nhờ trả nợ, do vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại Nokia đã cũ kèm sim thu giữ khi khám xét khẩn cấp là của T dùng để liên lạc mua ma túy.

Về điều kiện kinh tế, qua xác minh thấy rằng bị cáo lao động tự do, đang sống cùng với gia đình, tài sản là những đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cá nhân.

Tại bản cáo trạng số: 76/CT-VKSVT ngày 23 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy"

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn T từ 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù đến 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 01/12/2018.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 0,028 gam chất bột cục màu trắng (bì ghi vật chứng thu giữ của Khổng Hồng T) và 0,227 gam chất bột cục màu trắng (bì ghi vật chứng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Ngô Văn T là mẫu vật còn lại sau giám định; 01cân điện tử màu trắng và sim số 0977.800.342

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm: 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ có số IMEI 357326084982444 và 2.000.000 đồng là tiền T bán ma túy mà có. Truy thu số tiền 1.000.000 đồng do T bán ma túy mà có.

Trả lại cho Ngô Văn T 01 thẻ căn cước công dân mang tên Ngô Văn T

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ngô Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì khác về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của người làm chứng; vật chứng vụ án và kết luận giám định... Do vậy, có đủ cơ sở để quy kết :Trong tháng 11/2018, tại ngã T vòng xuyên trên quốc lộ 2, thuộc tổ 20, khu Lang Đài, phường Bạch Hạc, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, Ngô Văn T đã 02 lần bán trái phép ma túy Heroine cho Khổng Hồng T thu được số tiền 3.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng đầu tháng 11/2018, T bán cho T 01 gói Heroine thu được số tiền 1.000.000 đồng. Có được ma túy T đã sử dụng hết.

- Lần 2: Khoảng 13 giờ, ngày 30/11/2018, T bán cho T 04 gói ma túy Heroien thu được số tiền 2.000.000 đồng. Có được ma túy T đã sử dụng một phần, phần còn lại là 01 gói ma túy Heroine có khối lượng 0,058 gam đã bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ thu giữ khi kiểm tra hành chính.

Ngoài ra T còn tàng trữ 0,374 gam Heroine tại nơi ở với mục đích để bán. Vì vậy T phải chịu trách nhiệm hình sự về 03 lần phạm tội mua bán trái phép

chất ma túy, trong đó 02 lần bán trái phép ma túy cho Không Hồng T và 01 lần tàng trữ 0,374 gam Heroine mục đích để bán.

Hành vi nêu trên của Ngô Văn T đã phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” như kết luận và viện dẫn của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự luật quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;”

[3] Hội đồng xét xử đánh giá về tính chất, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Xét về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức được tác hại của ma túy, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo biết hành vi mua bán trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại tới chế độ quản lý đặc biệt đối với chất ma túy của Nhà nước, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Để có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như răn đe phòng ngừa chung tội phạm, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội.

- Về nhân thân và tình tiết tăng nặng: Bị cáo có nhân thân xấu, trước lần phạm tội này bị cáo đã nhiều lần bị tòa án đưa ra xét xử về tội Trộm cắp tài sản, tuy nhiên đến nay bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà ngày càng lao sâu vào con đường phạm tội.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra Cơ quan điều tra có công văn số 244, ngày 26/3/2019, xác nhận T có công giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản thân T có hoàn cảnh đặc biệt

Vì vậy cần xem xét có thể áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức thấp hơn của khung hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, chính sách nhân đạo của nhà nước.

[4] Về hình phạt bổ sung: qua xác minh thấy rằng bị cáo lao động tự do, đang sống cùng với gia đình, ngoài tài sản là những đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cá nhân bị cáo không có tài sản nào khác nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Đối với Trần Thị T: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã triệu tập Trần Thị T, tại Cơ quan điều tra Trần Thị T không thừa nhận hành vi bán trái phép ma túy cho T. T không nhớ được số điện thoại của T, ngoài lời khai của T thì không có chứng cứ nào khác. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ làm rõ nên không xử lý đối với T là phù hợp, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Khổng Hồng T là đối tượng nghiện, đã mua ma túy của T để sử dụng, hành vi của T là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. T đã bị xét xử về tội ma túy nhưng đã chấp hành xong và đã được xóa án tích, khối lượng ma túy mà T tàng trữ chưa đến mức xử lý hình sự. Do vậy, Công an thành phố V đã ra quyết định xử phạt hành chính, đồng thời trả lại cho Khổng Hồng T 01 điện thoại di động Masstel đã cũ kèm sim là phù hợp.

Đối với số tiền 14.500.000 đồng, quá trình điều tra xác định trong đó chỉ có 2.000.000 đồng là tiền của T do bán ma túy mà có. Số tiền 12.500.000 đồng là của anh Nguyễn Trung Công, sinh năm 1992, đang làm việc tại Nhật Bản là anh vợ của T gửi về cho em gái là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994, để nhờ trả nợ, do vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T theo quy định là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 Bì niêm phong số: 45/KLGD bên trong lần lượt chứa: 028 gam chất bột cục màu trắng (bì ghi vật chứng thu giữ của Khổng Hồng T) và 0,227 gam chất bột cục màu trắng (bì ghi vật chứng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Ngô Văn T) là mẫu vật còn lại sau giám định do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ hoàn trả; 01 cân điện tử màu trắng và sim số 0977.800.342 là vật cầm lưu hành và không có giá trị sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy.

- Cần Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm: 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ có số IMEI 357326084982444 là chiếc điện thoại bị cáo T sử dụng để liên lạc mua bán ma túy và 2.000.000 đồng là tiền T bán ma túy mà có. Truy thu số tiền 1.000.000 đồng do T bán ma túy mà có

- Trả lại cho Ngô Văn T 01 thẻ căn cước công dân mang tên Ngô Văn T

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo **Ngô Văn T (tức Ngô Ngọc T)** phạm tội: “**Mua bán trái phép chất ma túy**”.

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s,t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Văn T (tức Ngô Ngọc T)** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 01/12/2108.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[2] Về xử lý vật chứng : Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy 01 Bì niêm phong số: 45/KLGD bên trong lần lượt chứa: 028 gam chất bột cục màu trắng (bì ghi vật chứng thu giữ của Khổng Hồng T) và 0,227 gam chất bột cục màu trắng (bì ghi vật chứng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Ngô Văn T) là mẫu vật còn lại sau giám định do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ hoàn trả; 01cân điện tử màu trắng và sim số 0977.800.342

-Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm: 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ có số IMEI 357326084982444 và 2.000.000 đồng gồm 4 tờ mệnh giá 500.000 đồng có seri NQ 09754723, DC 10557761, TO 09132336, RL 15825685 của bị cáo T. Truy thu của bị cáo T số tiền 1.000.000 đồng.

-Trả lại cho Ngô Văn T (tức Ngô Ngọc T) 01 thẻ căn cước công dân mang tên Ngô Văn T

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2019)

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Ngô Văn T(tức Ngô Ngọc T) phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) , án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh, TP.V;
- CA tỉnh Phú Thọ, TP V;
- Sở T Pháp;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA TPVT;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Trại Giam công an tỉnh Phú Thọ.
- Bị cáo;
- Lưu VP, HS.

Nguyễn Thị Phong Phú